TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/07/2023
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU – TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Viết Hạnh
Bà Phan Thị Thu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2023/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 04 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/06/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2023/QĐST – HNGĐ ngày 12/07/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Y , sinh năm 1982.

Địa chỉ thường trú: H, đường B, tổ S, ấp O, xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Tổ B, ấp B, xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C , sinh năm 1981.

Địa chỉ thường trú: H, đường B, tổ S, ấp O, xã T,huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Đỗ Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông Nguyễn Văn C vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Đỗ Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2004,

quyển số 10 ngày 09/7/2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C thường xuyên rượu chè, về nhà chửi bới, đánh đập vợ con, xúc phạm nhau, đỉnh điểm thời gian gần đây ông C còn đánh bà gãy tay, buộc bà phải ra trình báo với Công an xã T. Chính quyền địa phương hướng dẫn bà làm đơn trình báo nhưng vì nghĩ đến các con nên bà chịu đựng và luôn sống trong lo sợ. Hiện nay, bà đã phải bỏ về nhà em gái để sinh sống. Nhận thấy tình cảm với chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn C .

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Diễm T, sinh ngày 18/08/2004 và cháu Nguyễn Thị Ngọc N , sinh ngày 16/04/2012. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Ngọc N ; không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Diễm T đã trưởng thành và có việc làm ổn định nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Y khai hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Đỗ Thị Y khai hai vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn C* **:** đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông C vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp bản tự khai, không có văn bản giải trình, không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa. Vì vậy, không có lời trình bày.

- *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu:*

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết tranh chấp: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về con chung: Bà Đỗ Thị Y và ông Nguyễn Văn C trong thời kỳ hôn nhân có 02 con chung là Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Diễm T, sinh ngày 18/08/2004 và cháu Nguyễn Thị Ngọc N , sinh ngày 16/04/2012. Theo nguyện vọng tại bản tự khai của cháu Ngọc N muốn được sinh sống cùng với bà Y , nên yêu cầu về việc nuôi con của bà Y là có căn cứ để chấp nhận. Tạm thời bà Y không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Thị Diễm T đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Y khai hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Đỗ Thị Y khai hai vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, do ông Nguyễn Văn C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông C , nên sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

- Về án phí: Bà Đỗ Thị Y phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Đỗ Thị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Văn C , Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông C có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Tổ 6, ấp Ông Hường, xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[1.3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Y và ông C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai và được cấp chứng nhận đăng ký kết hôn số 32/2004, quyển số 10 ngày 09/7/2004 nên áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng bà Y xác định giữa ông và ông C phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Quá trình chung sống ông C có hành vi bạo lực gia đình, đánh bà Y gây thương tích cho bà. Mặt khác, Công an xã T trả lời bằng văn bản cho Tòa án về việc bà Y và ông C có xảy ra mâu thuẫn, ông C có hành vi bạo lực gia đình nên bà Y có trình báo cho công an xã giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án hòa giải nhưng ông C không đến Tòa án để làm việc như vậy thể hiện ông C không quan tâm đến hôn nhân với bà Y . Như vậy, lời trình bày của bà Y phù hợp với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông C có hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà Y xin ly hôn với ông C là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Y và ông C có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Diễm T, sinh ngày 18/08/2004 và cháu Nguyễn Thị Ngọc N , sinh ngày 16/04/2012. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Xét thấy, bà Y có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu N , nguyện vọng của bà Y là chính đáng. Hiện cháu N đang sinh sống ổn định với bà Y , cháu N trên 07 tuổi có nguyện vọng muốn ở với bà Y nên để cháu N tiếp tục chung sống với bà Y là phù hợp với lợi ích của cháu N . Đối với cháu Nguyễn Thị Diễm T, sinh ngày 18/08/2004 đã trưởng thành và có khả năng lao động không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống của cháu N được ổn định, việc xem xét để ai trực tiếp nuôi con cần đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử giao cháu N cho bà Y được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông C thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Y không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án bà Yên khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử quyết định không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án bà Y khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử quyết định không xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Y chịu án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Đỗ Thị Y về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Nguyễn Văn C .

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Y được ly hôn với ông Nguyễn Văn C .

1.2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc N , sinh ngày 16/04/2012 cho bà Y được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đối với cháu Nguyễn Thị Diễm T, sinh ngày 18/08/2004 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Ông C tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, ông C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trợ. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị Y phải chịu 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005169 ngày 21/04/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Bà Đỗ Thị Y đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS ND tỉnh;
- VKSND huyện VC;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

Nguyễn Mạnh Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Văn Mì **Nguyễn Ngọc Anh** **Đồng Thị Hồng**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 06/12/2021,
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Anh.
Ông Lê Văn Mì.

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 74/2021/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2021, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2021/QĐST – HNGĐ ngày 05/11/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thương, sinh năm 1974.
- Bị đơn: Ông Trương Thành Long, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Tổ 09E, ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Nguyễn Thị Thương có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông Trương Thành Long vắng mặt không có lý do).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Về tố tụng:

- Ý kiến của Hội thẩm Mì: Bà Nguyễn Thị Thương khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Thành Long; Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn". Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Thương là nguyên đơn còn ông Long là bị đơn trong vụ án.

- Ông Trương Thành Long có địa chỉ cư trú hiện nay tại số: Tổ 09E, ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Long tại địa chỉ này, nhưng ông Long vẫn vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ; hòa giải và tham gia phiên tòa. Ngoài ra, bà Thương cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 06/12/2021. Do đó, căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt bà Thương và ông Long.

- Ý kiến của Hội thẩm Anh: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Bình.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về quan hệ hôn nhân:

- Ý kiến của Hội thẩm Anh: Xét yêu cầu ly hôn của bà Thương là có cơ sở chấp nhận vì theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng, trong quá trình chung sống bà Thương xác nhận cả hai chỉ hạn phúc được thời gian đầu, sau đó thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn hạnh phúc nguyên nhân là ông Long thiếu trách nhiệm với gia đình và vợ con, dẫn đến cả hai không tôn trọng và không còn yêu thương giữa chồng với vợ, cuộc sống và mục đích hôn nhân không đạt được. Theo Biên bản xác minh UBND xã Thạnh Phú thì giữa bà Nguyễn Thị Thương và ông Trương Thành Long có đăng ký kết hôn theo quy định, tuy nhiên mâu thuẫn vợ

chồng xảy ra như thề nào thì do các đương sự không yêu cầu hòa giải nên địa phương không nắm. Tuy nhiên, theo Biên bản xác minh của Công an xã Thạnh Phú thì hiện nay ông Trương Thành Long vẫn đang cư trú và sinh sống tại địa chỉ: Tổ 09E, ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, trong quá trình làm việc, mặc dù ông Long đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhiều lần, nhưng đều cố ý vắng mặt, thể hiện việc không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, phó mặc cho bà Nguyễn Thị Thương tiến hành thủ tục ly hôn tại Tòa án. Như vậy, có thể thấy việc mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng giữa ông Long và bà Thương là có thật, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thương được ly hôn với ông Trương Thành Long.

- Ý kiến của Hội thẩm Mì: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Anh.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về con chung:

- Ý kiến của Hội thẩm Mì: Không xem xét giải quyết do con đã trưởng thành và có khả năng lao động.

- Ý kiến của Hội thẩm Anh: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Mì.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về tài sản chung và nợ chung:

- Ý kiến của Hội thẩm Anh: bà Thương xác định tài sản chung hai vợ chồng tự thỏa thuận; Nợ chung vợ chồng bà không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên. Do ông Trương Thành Long vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông Long, nên sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

- Ý kiến của Hội thẩm Mì: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Anh.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về án phí:

- Ý kiến của Hội thẩm Anh: Bà Nguyễn Thị Thương phải nộp 300.000đ án phí.

- Ý kiến của Hội thẩm Mì: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Anh.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về quyền kháng cáo:

- Ý kiến của Hội thẩm Mì: Bà Nguyễn Thị Thương và ông Trương Thành Long có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

- Ý kiến của Hội thẩm Anh: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Mì.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 06 tháng 12 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Mì Nguyễn Ngọc Anh Đồng Thị Hồng

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đồng Thị Hồng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP.Biên Hòa;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**